TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:53/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2020
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Song Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Phước
Bà Nguyễn Hồng Lành

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Cung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2020/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2020 về việc ***"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/3/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T chung sống với nhau vào năm 2012, hôn nhân là tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 12/4/2013.

Sau thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị và anh T đã ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Phạm Duy K, sinh ngày 21/6/2013 hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm*:

+ Về tố tụng:

Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn.

+ Về nội dung:

Chị Đ xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn, tuy nhiên xem xét giấy chứng nhận đăng ký kết hôn không có chữ ký của chị Đ và anh T, căn cứ công văn số 42, ngày 15/9/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Long, huyện Phước Long xác định việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nêu trên không đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân là không hợp pháp. Căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét, không công nhận chị Đ và anh T là vợ chồng; Về con chung: giao người con chung Phạm Duy K cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị Đ yêu cầu ly hôn với anh T và anh T có địa chỉ tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và đã được Tòa án chấp nhận, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Đ và anh T chung sống với nhau vào năm 2012, hôn nhân được xây dựng trên tinh thần tự nguyện, chị Đ xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn, Hội đồng xét xử xem xét giấy chứng nhận đăng ký kết hôn không có chữ

ký của chị Đ và anh T, căn cứ công văn số 42, ngày 15/9/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Long, huyện Phước Long xác định việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nêu trên không đúng quy định nên hôn nhân là không hợp pháp. Căn cứ điểm c, Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 của Quốc Hội và Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận chị Đ và anh T là vợ chồng.

Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Long đã cấp giấy đăng ký kết hôn số 53, quyển số 01/2013, ngày 12/4/2013 do cho chị Đ và anh T không đúng quy định nên căn cứ điểm k khoản 1 Điều 78 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP, ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định về đăng ký và quản lý hộ tịch kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn trên.

[4] Về con chung: Chị Đ và anh T có một con chung tên Phạm Duy K, sinh ngày 21/6/2013, hiện chị Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Đ có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân chị Đ là người trực tiếp nuôi con và đã đảm bảo được cuộc sống cho con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao con chung cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định pháp luật, người không trực tiếp nuôi con, phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, trong vụ án này chị Đ là người trực tiếp nuôi con, anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, trường hợp sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

[6]. Về tài sản chung và nợ: Chị Đ và anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp thì được giải quyết thành vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

[7] Với những phân tích trên xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Đ nộp theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238; Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thị Đ và anh Phạm Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Tạm giao người con chung: Phạm Duy K, sinh ngày 21/6/2013 cho chị Võ Thị Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình*:* Buộc chị Võ Thị Đ nộp 300.000đ. Chị Đ đã dự nộp 300.000đ theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004740 ngày 08/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 53, quyển số 01/2013, ngày 12/4/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn P cấp cho chị Võ Thị Đ và anh Phạm Văn T.

Quyền kháng cáo: Chị Võ Thị Đ và anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Kiều Song Toàn